

Pháp Xâm Chiếm Việt Nam

A. Chiến tranh xâm lược (1858 - 1884)

B. Thời kỳ đô hộ (1884 - 1945)

1. Chính Sách Thực Dân

2. Công Cuộc Kháng Pháp Của Dân Tộc Việt Nam

A. Chiến tranh xâm lược (1858 - 1884)

Từ thế kỷ 19, hầu hết các thị trường của Pháp ở Ấn Độ và Trung Hoa đều bị Anh Cát Lợi chiếm hoặc phong tỏa. Thị trường lớn của Pháp ở Trung Hoa là Vân Nam bị chặn đường thông thương ở Hương Cảng từ năm 1842 (sau khi Anh thắng Tàu trong trận "nha phiến"), nên Pháp phải tìm đường khác từ Thái Bình Dương vào Vân Nam. Sông Cửu Long bất lợi, vì vậy phải tính việc dùng sông Hồng Hà.

Lúc đầu, Pháp chỉ muốn được quyền sử dụng các sông kể trên, nhưng sau khi chiến tranh với Việt Nam thì thấy triều đình nhà Nguyễn quá yếu hèn và thị trường Việt Nam cũng trở nên rất quan trọng, vì thế Pháp đã chiếm trọn để đô hộ và khai thác.

1. Ba tỉnh Miền Đông Nam kỳ bị thất thủ (1862)

Quân Pháp và Tây Ban Nha lấy cớ triều đình Huế cấm đạo Thiên Chúa mà đem quân vào can thiệp. Đầu năm 1859 quân Pháp hạ thành Gia Định, Tự Đức sai Nguyễn Tri Phương vào lập đồn kỳ Hoà lo chống cự.. Năm 1861, quân Pháp hạ đồn kỳ Hoà rồi tiến chiếm Định Tường, Biên Hoà và Vĩnh Long (1862). Tự Đức cử Phan Thanh Giản vào Gia Định nghị hoà. Hoà ước ký ngày 9 5 1862, nhượng ba tỉnh miền Đông Nam kỳ (Gia Định, Biên Hoà, Định Tường) cho Pháp.

2. Ba tỉnh Miền Tây Nam kỳ thất thủ (1867)

Năm 1863, Tự Đức sai Phan Thanh Giản cầm đầu phái đoàn sang Pháp để điều đình chuộc lại ba tỉnh miền đông. Vua Pháp chấp thuận với điều kiện để Pháp bảo hộ luôn sáu tỉnh Nam kỳ. Việc bàn chưa xong thì Pháp rút lại đề nghị đó. Thấy vậy vua Tự Đức phải cử Phan Thanh Giản làm欉nh lược sứ nắm giữ 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ. Mặc dù đã 70 tuổi ông vẫn phải chịu trách nhiệm khó khăn ấy.

Quân Pháp viện cớ triều đình Nguyễn giúp nghĩa quân chống Pháp ở 3 tỉnh miền Đông để tiến quân chiếm nốt ba tỉnh miền Tây: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Phan Thanh Giản liệu sức không cự nổi và sợ dân chết khổ vì chiến tranh, nên ra lệnh nộp thành rồi uống thuốc độc tự tử, 1867. Thế là 6 tỉnh Nam kỳ bị thuộc Pháp.

3. Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ nhất (1873)

Sau khi chiếm Nam kỳ, Pháp thấy sông Cửu Long không thuận tiện cho việc giao thông với Vân Nam ở Tàu, bèn tính tới con đường sông Hồng Hà. Pháp sai tên Jean Dupuis giả làm lái buôn dùng sông Hồng Hà để chở hàng vào Vân Nam. Sau khi thấy sông Hồng Hà thuận tiện cho việc giao thương, tên này trở lại Hà Nội gây chuyện với quan lại Việt Nam để quân Pháp ở Sài Gòn có cớ ra can thiệp. Soái phủ Sài Gòn cử tên đại úy Francis Garnier đem binh thuyền ra tấn công Hà Nội. Quan thủ thành là Nguyễn Tri Phương và con là phò mã Nguyễn Lâm cự không lại Nguyễn Lâm tử trận, Nguyễn Tri Phương bị bắt rồi ông tự tử chết (1873).

Sau khi chiếm được Hà Nội, Garnier tiến chiếm Ninh Bình, Nam Định và Hải Dương.

Triều đình Huế sai Hoàng Kế Viêm tổ chức phòng thủ. Hoàng Kế Viêm gọi quân cờ đen giúp sức để lấy lại Hà Nội. Quân Cờ Đen vốn là dư đảng của quân Thái Bình bên Tàu chạy sang Việt Nam, được Hoàng Kế Viêm chiêu dụ ở Lào Cay. Quân Cờ Đen phục kích quân Pháp ở Ô Cầu Giáy và giết được Garnier.

Soái phủ Nam kỳ sai Philastre từ Sài Gòn ra Hà Nội lo việc giảng hoà và trả lại các thành cho Việt Nam rồi lui tàu bè xuống Hải Phòng. Sau đó Nguyễn Văn Tường cùng Philastre vào Sài Gòn tiếp tục thương nghị..

Ngày 15 tháng 3 năm 1874, Thượng thư Lê Tuấn, Thượng thư Nguyễn Văn Tường và Thiểu tướng Dupré cùng ký bản hoà ước 1874, gồm 22 khoản, các khoản chính là:

Việt Nam nhượng đứt cho Pháp 6 tỉnh Nam kỳ, mở cửa Ninh Hải (Hải Phòng), thành Hà Nội và sông Hồng Hà cho người ngoại quốc vào buôn bán.

Pháp công nhận quyền độc lập của Việt Nam, không phải thuần phục nước nào nữa. Mọi việc đánh dẹp sẽ do Pháp lo liệu, và phải y theo sách lược ngoại giao của Pháp.

4. Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ hai (1882)

Về sau, thấy triều đình Nguyễn càng ngày càng suy nhược, Pháp tính việc chiếm Bắc kỳ. Soái phủ Sài Gòn lấy cớ bảo vệ quyền lợi của người Pháp, sai đại tá Henri Rivière ra Bắc. Rivière đánh chiếm Hà Nội ngày 28 tháng 4 năm 1882, quan thủ thành là Hoàng Diệu phải tự tử. Tự Đức thấy nguy bèn cầu cứu nhà Thanh bên Tàu. Lợi dụng cơ hội này Thanh triều đem quân sang đóng ở Bắc Ninh và Sơn Tây đợi dịp tranh quyền lợi với Pháp ở Việt Nam. Pháp cũng tăng cường thêm quân ra Bắc. Khi Rivière đem quân chiếm Nam Định, quân triều đình cùng quân Cờ Đen tấn công Hà Nội. Rivière vội trở lại giải vây thì bị quân Cờ Đen phục kích, giết chết ở Ô Cầu Giáy. Pháp thấy nguy phải cử cấp tướng ra chỉ huy và tăng thêm quân, rồi sai Harmand làm toàn quyền kinh lý việc Bắc kỳ.

Dân chúng Bắc kỳ nổi lên kháng Pháp khắp nơi và quân Việt phản công ở Hà Nội, Nam Định nhưng đều bị thất bại. Trong tình trạng cam go đó, triều đình Huế sinh nhiều việc rối loạn. Tự Đức mất (1883), Dục Đức lên ngôi được ba ngày thì

lại bị hai tên quyền thần Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết truất ngôi, lập Hiệp Hoà. Khi đó quân Pháp đánh Thuận An, uy hiếp Huế. Triều đình phải cử Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hợp cùng với Harmand, De Champeaux ký hoà ước ngày 23/7/1883. Hoà ước có 27 khoản. Theo đó triều đình Huế chịu nhận Pháp bảo hộ. Pháp được đặt công sứ, chỉ huy các tỉnh, vua Việt chỉ có quyền cai trị từ tỉnh Thanh Hoá tới đèo Ngang.

Hoà ước ký xong nhưng không thi hành được vì Bắc kỳ vẫn trong tình trạng chiến tranh, quân Tàu và quân triều đình vẫn tiếp tục đánh. Pháp phải gọi thêm quân tiếp viện từ chính quốc sang rồi tiến chiếm Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Tuyên Quang. Quân Tàu thua, phải rút lên vùng biên giới Hoa Việt, quân Nam phải lui về Huế. Ở Huế, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường vẫn tiếp tục gây rối, phé vua Hiệp Hoà lập vua Kiến Phúc. Triều đình Huế yêu cầu Pháp ký hoà ước khác để quyền hành của vua Việt được rộng hơn. Nguyễn Văn Tường cùng Patenôtre ký hoà ước ngày 6/6/1884, gồm 19 khoản. Hoà ước này cũng như hoà ước 1883, nhưng giới hạn cai trị của triều đình Huế được rộng thêm từ Thanh Hoá tới Bình Thuận.

Tại vùng biên giới Hoa Việt, quân Tàu vẫn chiếm đóng, quân Pháp tiến đánh nhưng bị thất trận ở Bắc Lệ và Lạng Sơn. Nước Pháp bèn đem hải quân đánh Phúc Châu và Đài Loan của Tàu. Trung Hoa phải ký hoà ước Thiên Tân năm 1885, nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Việt Nam và rút quân về Tàu.

Xem vậy, việc bang giao giữa nước này với nước khác đều vì lợi, nhưng nước mạnh bao giờ cũng trưng việc nghĩa để che đậy ý gian, rồi kết quả mọi điều lợi đều về nước mạnh, chứ chẳng vì nghĩa chi cả. Thế mà triều đình Huế, cũng như nhiều người cứ u u, mê mê đi cầu cạnh người, không biết lo làm cho dân giàu, nước mạnh, thật là phường ích kỷ?, vị lợi chỉ biết chăm lo bản thân mà coi thường quốc gia dân tộc.

Sau nhiều năm chiến tranh và qua 4 bản hoà ước 1862, 1874, 1883 và 1884 nước Pháp đã hoàn tất việc xâm lăng thực dân ở Việt Nam. Nam kỳ trở thành thuộc địa, Bắc kỳ là đất bị bảo hộ và Trung kỳ là nơi Pháp lập chế độ trú sứ, nhưng trên thực tế cả ba miền đều là thuộc địa của Pháp, nhà Nguyễn ở Huế không có quyền hành gì cả.

Hoà ước 1884 xác định quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam đã thi hành tới ngày 9 tháng 3 năm 1945.

B. Thời kỳ Pháp Đô Hộ (1884 - 1945)

1. Chính sách thực dân

2. Công cuộc kháng pháp của dân Việt Nam

1. Chính sách thực dân

Theo hoà ước 1884, chế độ cai trị của Pháp được phân biệt tùy miền. Nam kỳ thuộc địa, Bắc kỳ bảo hộ, Trung kỳ trú sứ. Nhưng trên thực tế cả ba miền đều bị chung dưới ách đô hộ như nhau. Mọi quyền hành đều nằm trong tay người

Pháp. Sau khi chiếm Việt Nam và Ai Lao, Cao Mên, Pháp thiết lập chế độ thuộc địa chặt chẽ. Lúc đầu mỗi xứ (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai Lao, Cao Mên) có một viên thủ hiến lo việc cai trị.. Đến năm 1887 Pháp thiết lập phủ Toàn quyền để thống nhất việc cai trị toàn vùng (Đông Dương). Tại mỗi xứ, cắt đặt như sau: Thống Đốc Nam kỳ, Khâm Sứ Trung kỳ, Khâm Sứ Cao Mên, Thống Sứ Bắc kỳ, Thống Sứ Ai Lao Các viên chức này đều phải theo lệnh của viên Toàn Quyền.

Dân chúng Việt Nam bị đầy đoạ khổ cực, bị bóc lột tận cùng, phải chịu khổ nhục để phục vụ lớp quan đô hộ, phải chịu sưu cao thuế nặng để bọn này hưởng thụ và chi dùng vào việc chém giết dân Việt. Hơn thế nữa, thực dân Pháp dùng mọi cách để phá huỷ cơ cấu văn hoá Việt.

2. Công Cuộc Kháng Pháp Của Dân tộc Việt Nam

Ngay khi ba tỉnh miền đông Nam kỳ bị thất thủ, nghĩa quân miền Nam nổi lên đánh Pháp, nhưng thế lực còn yếu nên đều bị thất bại Tuy vậy, trong suốt thời gian bị đô hộ, dân Việt trên toàn quốc liên tiếp khởi nghĩa đuổi Pháp, qua các phong trào Cần Vương, Văn Thân, Đông Du, Duy Tân và các đảng phái quốc gia.

*** Miền Nam**

- Trương Công Định (Trương Định) 1860 - 1864

Trương Công Định chiêu mộ nghĩa quân, lập căn cứ ở Gò Công, đánh theo lối du kích, gây nhiều thiệt hại cho quân đi.ch. Trận lớn nhất là trận Cần Giuộc. Về sau bị tên Huỳnh Công Tấn phản bội, chỉ điểm cho Pháp vây đánh ông ở Kiến Phước (Gò Công). Trận này ông bị đạn rồi tự tử, năm 1864.

- Nguyễn Trung Trực 1860 - 1868

Nguyễn Trung Trực kháng chiến ở Tân An, Rạch Giá, chiến thắng lớn trong trận đốt tàu Pháp ở vàm Nhật Tảo (Tân An) và trận đánh thành Kiên Giang (Rạch Giá), sau lập chiến khu ở đảo Phú Quốc. Tên Việt gian Huỳnh Công Tấn bày mưu bắt mẹ ông, ông phải bỏ khí giới để cứu mẹ.. Ông bị Pháp chém ở Kiên Giang (27-10-1868)

- Phan Tòng 1869 - 1870. Khởi nghĩa ở Hóc Môn, Gò Vấp, Ba Tri.

- Tri Huyện Thoại (Đỗ Trình Thoại) 1861. Hoạt động ở vùng Mỹ Tho, Cao Lãnh, Cai Lậy

- Thiên Hộ Dương (Võ Duy Dương) 1860 - 1886. Lập chiến khu ở Đồng Tháp Mười Cuối năm 1886, ông bị mắc bệnh chết.

- Thủ Khoa Huân (Nguyễn Hữu Huân) 1862 - 1875. Kháng chiến ở Mỹ Tho và Tân An.

- Đoàn Công Bửu, Nguyễn Xuân Phụng 1874 - 1875. Khởi nghĩa ở Trà Vinh.

- Lê Tấn Kế, Trần Bình 1874 - 1875. Khởi nghĩa ở Ba Đô.ng.

- Phan Tôn, Phan Liêm (con Phan Thanh Giản). Khởi nghĩa ở Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh và Bến Tre

- Quản Hớn, Nguyễn Văn Bường 1885. Khởi nghĩa ở 18 Thôn Vườn Trầu, Bà Điểm, Hóc Môn thuộc Gia Định.

- Phan Văn Đạt, Lê Cao Dững khởi nghĩa ở miền Nam, bị Pháp bắt và bị giết.

*** Miền Trung**

- Vua Hàm Nghi lãnh Đạo Phong Trào Cần Vương

Vua Kiến Phúc mất, hai phụ chánh Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết lập vua Hàm Nghi (1884). Chính phủ Pháp đòi tham dự vào việc phế lập và đòi triều đình Huế phải để Pháp phong vương cho vua Hàm Nghi Khi đó khắp nơi đều có nghĩa quân nổi lên và triều đình thì dằng dằng chưa quyết định thi hành hoà ước 1884. Tướng Pháp De Courcy bèn đem quân vào Huế bắt triều đình phải chịu nhận bảo hộ ngay Triều đình chống lại Đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 7 năm 1885 quân Nam tấn công dinh Khâm Sứ và đồn quân Pháp ở Mang Cá. Ngày hôm sau quân Nam thất thủ, phải bỏ kính thành. Tôn Thất Thuyết đem vua Hàm Nghi ra Quảng Trị, tiếp tục đánh Pháp. Nguyễn Văn Tường về Huế đầu hàng rồi lập Đồng Khánh lên làm vua.

Vua Hàm Nghi ở Quảng Trị phát hịch kêu gọi dân chúng nổi lên chống Pháp rồi lui về Tân Sở và tính ra Bắc nhưng không thành. Sĩ phu trong nước hưởng ứng rất đông, nổi lên ở nhiều nơi Đồng Khánh ở Huế nhiều lần sai người đi mời vua Hàm Nghi và chiêu dụ các cựu thần, nhưng không ai chịu về hàng Pháp.

Về sau Pháp mua chuộc được tên hầu cận vua Hàm Nghi là Trương Quang Ngọc, tên này bắt vua nộp cho Pháp (1888), nhà vua bị Pháp đày sang Algérie, thuộc địa Pháp ở Châu Phi.

- Phan Đình Phùng

Hưởng ứng hịch Cần Vương, Phan Đình Phùng được vua Hàm Nghi trao quyền chỉ huy nghĩa binh (1886). Sau khi vua bị bắt, ông tiếp tục kháng chiến và chỉ huy Phong Trào Văn Thân, lập chiến khu ở Ngà

- Hoàng Hoa Thám

Khi kháng chiến chống Pháp, Hoàng Hoa Thám được triều đình phong làm Đề Đốc nên thường gọi là Đề Thám. Năm 1886, ông lập chiến khu ở Yên Thế, Bắc Giang. Kháng chiến ròng rã 25 năm gây tổn thất nặng nề cho quân Pháp. Dân chúng rất ngưỡng mộ, gọi ông là hùm thiêng Yên Thế. Nhiều lần thế lực suy yếu, ông phải tránh hàng, vào những năm 1894 và 1897, để chỉnh đốn hàng ngũ rồi lại tiếp tục đánh Pháp. Năm 1908, ông mưu đánh úp Hà Nội nhưng bị thất bại Về sau quân Pháp mua chuộc thủ hạ của ông là tên Lương Tam kỳ, lập kế ám

sát ông (1913).

- Vua Thành Thái và Vua Duy Tân chống Pháp

Vua Đồng Khánh chết non (1888, lúc 25 tuổi), Pháp lập vua Thành Thái con vua Dục Đức, lúc đó mới 10 tuổi. Lớn lên, nhà vua hiểu rõ tình trạng đất nước nên phản đối Pháp và tìm cách liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam ở hải ngoại như kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Vì thế vua Thành Thái bị Pháp bắt thoái vị và bị đày sang đảo Réunion (Phi Châu) (1907).

Pháp lập Hoàng Tử Vĩnh San, mới 8 tuổi lên ngôi lấy hiệu là Duy Tân. Năm 1912, vua Duy Tân yêu cầu nước Pháp thi hành đúng tinh thần bản hoà ước 1884, nhưng không có kết quả.

Năm 1916, nhà vua lãnh đạo đảng Tân Việt, cùng với các nhà ái quốc Trần Cao Vân và Thái Phiên để mưu việc khởi nghĩa Kế hoạch bị bại lộ.. Pháp đày vua Duy Tân sang đảo Réunion. Các người tham dự vào kế hoạch khởi nghĩa đều bị Pháp giết hoặc bị đày

Sau đó, thực dân Pháp lập con vua Đồng Khánh (vị vua dễ sai bảo) lên ngôi năm 1916, lấy hiệu là Khải Định. Năm 1925, Khải Định mất, con là Vĩnh Thụy, đang học tại Pháp, được gọi về lên ngôi, lấy hiệu là Bảo Đại. Ông này không thiết tha tới việc nước, nên đã ký thêm Hiệp định ngày 25 11 1925 trao mọi quyền hành cho viên Khâm sứ Huế và cho Tôn Thất Hân làm phụ chánh để lo việc cúng tế, rồi lại qua Pháp. Năm 1932, Bảo Đại về Việt Nam, nhưng chỉ lo ăn chơi, không có quyền hành gì cả. Mọi việc trong nước đều do viên Toàn Quyền Pháp nắm giữ.

*** Phong Trào Đông Du**

Sau khi Phong trào Cần Vương tan rã, nhà ái quốc Phan Bội Châu, người Nghệ An, đứng ra kết nạp các nghĩa sĩ Cần Vương còn sót lại (1902). Ông đi khắp trong nước tìm đồng chí để thực hiện chương trình giải phóng quốc dân. Ông thành lập hội Duy Tân và tôn kỳ Ngoại Hầu Cường Để, cháu đích tôn vua Gia Long, làm Hội Chủ. Để khích động đám sĩ phu trong nước, Phan Bội Châu viết "Lưu Cầu Huyết Lệ", rất được truyền tụng, có công dụng làm sống lại lòng yêu nước của dân chúng. Các đồng chí quan trọng đã cùng Phan Bội Châu bốn ba khắp trong nước cũng như ngoại quốc là Trịnh Hiền, Lê Võ, Đặng Thái Thân, Thái Nam Xương, Trịnh Công Kiều, Chu Thư Đồng, Tôn Thất Toại, Đặng Nguyên Cầm, Ngô Đức Kế, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Lương Ngọc Can v.v...

Năm 1904, Nga Nhật chiến tranh kết liễu. Sự thắng lợi vẻ vang của Nhật gây xúc động mạnh mẽ trong tầng lớp sĩ phu và các nhà ái quốc Việt Nam. Nhờ đó, khuynh hướng Đông Du (sang Nhật) cầu học được nhiều người hưởng ứng.

Năm 1905, Phan Bội Châu cùng Tăng Bạt Hổ và Đặng Tử Kính khởi hành đi Hồng Kông, Thượng Hải rồi sang Nhật. Tại Nhật cụ Phan tiếp xúc với học giả Trung Hoa Lương Khải Siêu, đang bị nạn tại Tokyo. Lương Khải Siêu giới thiệu cụ với các chính khách Nhật như Khuyễn Dưỡng Nghị, Bá tước Đại Ôi (đã hai

lần làm Thủ tướng). Cụ Phan ngỏ ý cầu viện nhưng bị từ chối.

Cường Để sang Nhật năm 1906. Chương trình du học Nhật Bản được Nguyễn Hải Thần tích cực giúp đỡ. Về sau Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh bất đồng ý kiến về kế hoạch cứu quốc. Phan Bội Châu chủ trương bài Pháp, dành độc lập. Phan Chu Trinh chủ trương bài quân chủ, dựa vào Pháp để cầu học Thái Tây, ông bỏ về nước cổ xúy cho lập trường của mình.

Năm 1910, Pháp điều đình với Nhật trục xuất các nhà cách mạng và du học sinh Việt Nam. Phan Bội Châu phải chạy sang Trung Hoa, rồi bốn ba nhiều nơi: Xiêm La, Nam Dương. Khi được tin cách mạng Trung Hoa thành công (1911) cụ lại sang Tàu hoạt động. Năm 1912, cụ giải tán Duy Tân Hội để lập Việt Nam Quang Phục Hội, chủ trương Dân Chủ Cộng hoà. Hội giúp đỡ du học sinh và hô hào cách mạng. Năm 1913, Pháp (Toàn Quyền Sarraut) mưu với Đô đốc Quảng Đông là Long Tế Quang bắt giam Phan Bội Châu. Cùng năm đó, ở trong nước Hội Đồng Đề Hình Pháp xử 14 án tử hình, trong đó Phan Bội Châu và Cường Để bị tử hình vắng mặt. Năm 1917, Long Tế Quang bị quân cách mạng Trung Hoa đánh thua, cụ Phan được thả ra.

Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) âm mưu bắt cóc Phan Bội Châu ở Thượng Hải (Trung Hoa) giao cho Pháp. Phan Bội Châu bị Pháp kết án chung thân khổ sai Đồng bào toàn quốc biểu tình đòi tự do cho cụ, Pháp nhượng bộ, bắt cụ Phan an trí ở Huế. Phan Bội Châu mất năm 1940.

Phong Trào Duy Tân

Biến cố Nhật thắng Tàu năm 1894 và Nhật thắng Nga năm 1904, đã làm các dân tộc Châu Á thức tỉnh. Ở Trung Hoa, Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi hô hào cải cách Duy Tân. Ở Việt Nam, các chí sĩ hăng hái trong phong trào Duy Tân, đề cao dân quyền gồm có Phan Chu Trinh, Đặng Tử Kính, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế.

Năm 1906, Phan Chu Trinh sang Nhật, gặp Phan Bội Châu; Nhưng hai người bất đồng ý kiến. Phan Chu Trinh trở về hoạt động trong nước. Năm 1908, nhân vụ biểu tình yêu cầu giảm nhẹ sưu thuế của dân các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên, một số nhân sĩ Trung, Bắc kỳ bị bắt, trong đó có Phan Chu Trinh. Cụ bị đày ra đảo Côn Lôn.

Năm 1911, nhờ Hội Nhân Quyền Pháp can thiệp Phan Chu Trinh được thả Cụ qua Pháp, làm nghề chụp ảnh. Năm 1922, Khải Định sang Pháp, cụ gửi thư chỉ trích, năm 1925, cụ về nước. Năm sau, Phan Chu Trinh mất ở Sài Gòn.

Một tổ chức có ảnh hưởng rất nhiều cho công cuộc duy tân là trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Trường mở ở Hà Nội năm 1907, do các ông Nguyễn Quyền, Ngô Đức Kế, Lương Ngọc Can, Dương Bá Trạc, & ào Nguyễn Phổ, Phan Huy Thịnh, Hoàng Tăng Bí... đứng ra tổ chức. Trường dạy miễn phí cho các thanh niên nam nữ cả ba thứ chữ Việt, Pháp, Hán. Việt văn, khoa học, công nghệ thường thức được chú trọng đặc biệt. Trường cũng thường tổ chức các buổi diễn thuyết về văn hoá, khoa học ... Trường soạn sách giáo khoa và các bài hát

khích động lòng yêu nước, phát không cho dân chúng.

Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ hoạt động được 9 tháng thì bị Pháp bắt đóng cửa.

*** Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên**

Nhà cách mạng Lương Ngọc Quyến (con cụ Lương Ngọc Can, người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục) đã từng học trường võ bị Chấn Võ ở Nhật Bản, tham dự vào đoàn quân cách mạng Trung Hoa Bị người Anh bắt ở Hương Cảng rồi giao cho Pháp, bị giam ở Thái Nguyên. Trong ngục ông tiếp tục cổ động ái quốc, được nhiều người nghe theo, trong đó có Trịnh Văn Cấn là một hạ sĩ quan cấp Đội (trung sĩ) thuộc đơn vị Khố Xanh của Pháp ở Thái Nguyên. Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn định kế hoạch khởi nghĩa Đêm 31 tháng 8 năm 1917, Trịnh Văn Cấn nổi lên lấy danh nghĩa Quang Phục quân, mang 200 binh lấy thành Thái Nguyên. Trịnh Văn Cấn được phong làm Quang Phục quân Đại Đô Đốc. Quân Pháp phải đem đại binh từ Hà Nội lên đánh. Quang Phục quân giữ Thái Nguyên được 3 ngày thì phải rút vào rừng. Lương Ngọc Quyến, vì bị Pháp tra tấn làm liệt chân, không theo nghĩa quân được nên tự tử.

Trịnh Văn Cấn ẩn nấp trong vùng Tam Đảo, Yên Thế tiếp tục đánh Pháp được vài tháng. Đến khi quân bị hao mòn, thể lực suy tàn, Trịnh Văn Cấn tự tử ở vùng núi Phú Thọ..

*** Việc Ném Tạc Đạn ở Sa Điện, Quảng Châu**

Năm 1923, viên toàn quyền Đông Dương là Martial Merlin trên đường từ Nhật trở lại Việt Nam, ghé tới Sa Điện, Quảng Châu (Trung Quốc) để dự bữa tiệc do Pháp kiều ở đây khoản đãi tại khách sạn Victoria. Đương khi ăn, tên này bị nhà ái quốc Phạm Hồng Thái ném tạc đạn, nhưng hắn thoát chết. Bị thất bại, Phạm Hồng Thái nhảy xuống sông tự trầm.

*** Cuộc khởi nghĩa Yên Bái**

Phan Bội Châu bị bắt năm 1925 và Phan Chu Trinh chết năm 1926 đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ trong dân chúng, nhất là tầng lớp thanh niên trí thức.

Năm 1927, một đảng chính trị cách mạng đầu tiên ra đời do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Nguyễn Thái Học đã từng tranh đấu ôn hoà với Pháp nhưng không có kết quả, nên ông chủ trương dùng vũ lực. Vì thế, Việt Nam Quốc Dân Đảng được thành lập, với mục đích giành độc lập cho đất nước. Năm 1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng định kế hoạch khởi nghĩa chiếm lại Bắc kỳ. Nguyễn Thái Học ra lệnh tổng khởi nghĩa vào ngày 10/2/1930, nhưng lệnh không tới ký.p các địa phương, nên cuộc khởi nghĩa không đúng ngày đã hoạch định.

Đêm ngày mùng 9 rạng ngày mùng 10 tháng 2 năm 1930, chi bộ Yên Bái khởi công đánh các trại lính Pháp, giết được nhiều đi.ch. Đến sáng ngày hôm sau, quân Pháp phản công ký.ch liệt, nghĩa quân bị tan rã.

Đêm mùng 9 tháng 2, Nguyễn Khắc Nhu đánh Hưng Hoá và Lâm Thao bị Pháp

phản công mạnh, quân cách mạng thua, Nguyễn Khắc Nhu tự tử.

Đêm mùng 10 tháng 2, Đoàn Trần Nghiệp (Kí Con) chỉ huy đánh Hà Nội

Đào Văn Thế chỉ huy mặt trận Thái Bình chiếm được huyện Phủ Dục.

Đêm 15 rạng ngày 16 tháng 2, Trần Quang Diệu chỉ huy mặt trận Hải Dương chiếm huyện Vĩnh Bảo

Nguyễn Thái Học chỉ huy đánh đồn Phả Lại.

Pháp dùng toàn lực không quân và bộ binh phản công, ném bom tiêu diệt làng Cổ Am nơi có nhiều quân cách mạng. Ở khắp nơi, nghĩa quân đều bị thất bại Nguyễn Thái Học bị bắt tại ấp Cổ Vịt (Hải Dương) ngày 20 tháng 2. Ngày 17 tháng 6 năm 1930, Nguyễn Thái Học và 12 nhà cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng bị Pháp chém tại Yên Bái.

*** Cuộc Khởi Nghĩa Lạng Sơn**

Trong đại chiến thứ hai (1939-1945) Pháp đầu hàng Đức. Nhật cùng phe với Đức, đánh chiếm Trung Hoa rồi tràn qua biên giới Việt Hoa ngày 22-8-1940. Nhân cơ hội đó, Trần Trung Lập và Đoàn Kiểm Điểm chỉ huy đoàn quân Việt Nam Phục Quốc Hội nổi lên đánh quân Pháp ở Lạng Sơn và vùng lân cận.

Nhưng về sau có sự thoả hiệp giữa Nhật và Pháp, quân phục quốc bị Nhật bỏ rơi, nên đã bị Pháp đánh thua. Trần Trung Lập bị bắt, Đoàn Kiểm Điểm tử trận.

*** Các Đảng Phái, Tổ Chức Chính Trị Khác**

Ngoài các tổ chức kháng Pháp kể trên, người Việt còn thành lập nhiều đảng phái, tổ chức chính trị khác để tranh đấu

- 1923, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long lập đảng Lập Hiến với chủ trương ôn hoà và bảo thủ.

- 1930, Phạm Quỳnh tranh đấu ôn hoà. Kết quả, được Pháp mời làm thượng thư

- 1925, Lê Văn Huân lập đảng Phục Việt, sau đổi tên là Tân Việt Cách Mạng Đảng. Hoạt động tích cực chống Pháp, bị Pháp và Cộng Sản tiêu diệt.

- 1927, Nguyễn An Ninh tổ chức đảng bí mật ở Hóc môn có khuynh hướng Cộng Sản, bị Pháp bắt đầy ra Côn Lôn.

- 1932, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch lập đảng, theo khuynh hướng Đệ Tứ Quốc Tế (Cộng Sản Đệ Tứ) hoạt động ở Sài Gòn.

- 1937, Nguyễn Văn Thinh thành lập phong trào Dân Chủ ở Nam kỳ.

- Lý Đông A thành lập đảng Đại Việt Duy Dân, có lý thuyết vững chắc nhưng tầm

mức hoạt động hạn hẹp.

- 1940, Nguyễn Tường Tam thành lập Đại Việt Dân Chính, (sau đổi tên là Đại Việt Quốc Xã) dựa vào thế lực Nhật Bản để chống Pháp, nhưng sau bị Nhật bỏ rơi Pháp thẳng tay đàn áp, một số đảng viên bị bắt, Nguyễn Tường Tam trốn sang Tàu

- 1941, Trương Tử Anh thành lập đảng Đại Việt Quốc Dân. Bị Pháp đàn áp, đảng bị suy sụp.

- 1943 1944, Nguyễn Xuân Chữ, Lê Toàn, Vũ Đình Di lập Việt Nam Ái Quốc Đảng.

- Vũ Đình Hoè, Dương Đức Hiền lập Dân Chủ Đảng.

- 1945, Nhưộng Tống, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Văn Tiểu thành lập Đại Việt Quốc Gia Liên Minh (gồm Việt nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Xã và các đảng phái quốc gia khác).

Hầu hết đảng phái quốc gia không có nguyên lý hành động độc lập. Nhất là sinh hoạt chính trị chỉ lẫn lẩn ở trong tầng lớp xa rời quần chúng.

Vào thời Việt Pháp chiến tranh, thói thường các nhà cách mạng Việt Nam mỗi khi bị truy lùng thường trốn sang Trung Hoa, nương náu ở vùng Hoa Nam giáp giới với nước Việt, như Quảng Châu, Nam Ninh, Vân Nam ... Trong thời gian Đại Chiến thứ hai, ở vùng này có người của các đảng: Phục Quốc, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Dân Chính, Đại Việt Quốc Dân, Đại Việt Duy Dân v.v. cùng các lãnh tụ có uy tín như: Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công, Lý Đông A ... Lúc đó chính phủ Trung Hoa có ý dụng tống những nhà cách mạng Việt Nam vì muốn lợi dụng họ vào việc đối phó với Pháp về vấn đề quyền lợi ở Việt Nam. Người cầm quyền ở Quảng Đông là Trương Phát Khuê và Tiêu Văn được lệnh tập hợp các nhà cách mạng Việt Nam vào một mặt trận duy nhất.

Tháng 10 năm 1942 họp đại hội ở Liễu Châu (Đông Dương Cộng Sản Đảng không được mời). Đại diện các đảng cách mạng đồng ý cùng gia nhập vào một mặt trận gọi là Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, Nguyễn Hải Thần được cử làm Chủ tịch. Nhưng vì bất đồng ý kiến, không thành lập nổi Ban Quản Trị Trung Ương.

Tháng 3 năm 1944, đại hội lần thứ hai được thiết lập ở Liễu Châu Lần này đại hội thoả thuận lập chính phủ Cộng Hoà Việt Nam Lâm Thời Trương Bội Công được cử làm Chủ tịch và các uỷ viên gồm có Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Tùng Sơn, Nghiêm Kế Tổ, Bồ Xuân Luật, Hồ Chí Minh. Chủ trương đánh Pháp xít Nhật và Thực dân Pháp để thu hồi độc lập cho Việt Nam.

Chính phủ lâm thời còn đang dùng dằng bàn kế hoạch, chưa quyết định hành động thì Hồ Chí Minh đã lợi dụng chiêu bài quốc gia đó tức tốc về Việt Nam vận động cướp chính quyền Trần Trọng Kim ngày 25 tháng 8 năm 1945.